**BỔ SUNG DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM**

*(Kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)*

**I. XÂY DỰNG (XÂY LẮP)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nghề hoặc công việc** | **Đặc điểm điều kiện lao động** |
|  |  **Điều kiện lao động loại V** |
| 1 | Gia công, lắp dựng cốt thép trong hầm, ngầm | Nơi làm việc thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm. |
| 2 | Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn, hệ ván khuôn hoặc hệ khung đỡ ván khuôn công trình hầm, ngầm | Nơi làm việc thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm. |
| 3 | Lắp đặt và tháo dỡ các máy, thiết bị nâng chuyển (cần trục tháp, cần trục, vận thăng, sàn treo) phục vụ thi công xây dựng công trình | Công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung lắc. |
| 4 | Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện trong công trình hầm, ngầm | Công việc có nguy cơ điện giật cao, môi trường thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí. |
| 5 | Thi công đổ bê tông công trình hầm, ngầm | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu ảnh hưởng bởi ồn, môi trường thiếu dưỡng khí. |
| 6 | Xây gạch, đá, trát, ốp, lát trong công trình hầm, ngầm | Công việc có tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi, môi trường thiếu dưỡng khí |
| 7 | Gia công, lắp dựng lưới thép, vì thép, gia cố hầm, ngầm | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu ảnh hưởng bởi ồn, bụi, tư thế lao động gò bó, môi trường thiếu dưỡng khí. |
| 8 | Lắp dựng: thiết bị, cấu kiện, kết cấu thép, bê tông đúc sẵn, hệ thống đường ống công trình hầm, ngầm | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, môi trường thiếu dưỡng khí. |
| 9 | Khoan tạo lỗ neo, lắp đặt thanh neo thép, lắp dựng lưới thép, gia cố hầm, ngầm | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung và bụi, môi trường thiếu dưỡng khí. |
| 10 | Khoan phun vữa xi măng gia cố nền đập và tạo màng chống thấm công trình hoặc khoan phun vữa xi măng trong hầm, ngầm | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung và bụi bẩn. |
| 11 | Phun vẩy vữa bê tông gia cố hầm hoặc phun vẩy vữa bê tông gia cố mái taluy | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung và bụi. |
| 12 | Lái máy xúc dung tích gầu từ 4m3 trở lên trong lĩnh vực xây dựng | Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi, ồn cao. |
| 13 | Vận hành cần trục bánh lốp, bánh xích trong lĩnh vực xây dựng | Chịu tác động của rung, ồn, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý. |
| 14 | Lái xe vận tải, có trọng tải 20 tấn trở lên trong lĩnh vực xây dựng | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng của bụi, rung và ồn cao |
|  | **Điều kiện lao động loại IV** |
| 1 | Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn, hệ ván khuôn hoặc giàn giáo công trình | Thường xuyên làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm |
| 2 | Lắp dựng: thiết bị, cấu kiện, kết cấu thép, bê tông đúc sẵn, tấm tường, tấm sàn, tấm mái công trình | Thường xuyên làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm |
| 3 | Gia công, lắp dựng cốt thép công trình | Thường xuyên làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm |
| 4 | Đổ bê tông công trình | Thường xuyên làm việc ngoài trời, làm ca đêm, công việc nguy hiểm |
| 5 | Vận hành cần trục tháp hoặc vận thăng hoặc sàn treo | Thường xuyên làm việc ngoài trời, công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý |
| 6 | Thi công đào, xúc: đất, đá, cát công trình hầm, ngầm | Nơi làm việc thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí; công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hơi khí độc. |
| 7 | Xây gạch, đá, trát, ốp, lát tường công trình cao trên 6m | Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy cơ ngã cao |
| 8 | Thi công sơn, bả, chống thấm bề mặt công trình cao trên 6m | Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, nguy cơ ngã cao |
| 9 | Thi công lắp dựng kính công trình cao trên 2m | Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, nguy cơ ngã cao |
| 10 | Lắp đặt, sửa chữa các thiết bị điện, hệ thống cơ điện tại công trình | Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, nguy cơ tai nạn điện giật. |
| 11 | Sử dụng máy, dụng cụ cầm tay để khoan, cắt, phá, đục tẩy kết cấu bê tông, bề mặt bê tông | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, nguy cơ ngã cao, tai nạn điện giật |
| 12 | Bốc xếp, vận chuyển vật liệu, thiết bị, cấu kiện tại công trường thi công xây dựng | Công việc thủ công, nặng nhọc |
| 13 | Thi công đào, xúc đất, đá, cát công trình hở | Công việc nặng nhọc. Tiếp xúc với bụi, ồn. |
| 14 | Thi công, hoàn thiện trên mái đứng, mái nghiêng công trình | Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, nguy cơ ngã cao. |
| 15 | Khoan tạo lỗ neo, lắp đặt thanh neo thép, lắp dựng lưới thép, gia cố mái taluy công trình hoặc mái ta luy đường | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi. |
| 16 | Vận hành máy khoan hoặc máy ép cọc hoặc máy đóng cọc trong thi công xây dựng | Công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung. |
| 17 | Vận hành, sửa chữa hệ thống dây chuyền nghiền, sàng đá, nghiền cát nhân tạo | Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung, bụi, tiếp xúc với dầu mỡ công nghiệp. |
| 18 | Ép, nhổ cừ Larsen bằng búa máy hoặc máy ép thủy lực | Công việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung. |
| 19 | Vận hành trạm trộn bê tông | Công việc chịu tác động của rung, ồn và bụi |
| 20 | Xây dựng thủ công các công trình xây dựng | Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn và bụi. |
| 21 | Điều khiển máy đầm bê tông, cấu kiện bê tông trong lĩnh vực xây dựng | Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, rung và bụi. |
| 22 | Khoan, phun bê tông bằng máy nén khí cầm tay trong lĩnh vực xây dựng | Công việc nặng nhọc, bẩn, chịu tác động của bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần |
| 23 | Hàn điện, hàn hơi trong lĩnh vực xây dựng | Tiếp xúc với nóng và hơi khí độc. |
| 24 | Phụ cẩu, móc cáp trong lĩnh vực xây dựng | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm. |
| 25 | Lái máy ủi trong lĩnh vực xây dựng | Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi |
| 26 | Lái máy xúc dung tích gầu dưới 4m3 trong lĩnh vực xây dựng | Chịu tác động của nóng, bụi, ồn và rung. |
| 27 | Lái xe cần trục từ 20 tấn trở lên trong lĩnh vực xây dựng | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, nóng |
| 28 | Sửa chữa xe, máy thi công ở các công trình xây dựng | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với dầu mỡ. |
| 29 | Lái xe vận tải từ 7 tấn đến dưới 20 tấn trong lĩnh vực xây dựng | Nặng nhọc, căng thẳng thần kinh tâm lý, ồn, rung, nguy hiểm. |

**II. VẬN TẢI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nghề hoặc công việc** | **Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc** |
|  | **Điều kiện lao động loại IV** |
| 1 | Giao nhận hàng hóa đầu cần ở các bến cảng | Công việc thủ công, tư thế làm việc kém thoải mái, đứng, di chuyển nhiều; chịu tác động của thời tiết, ồn, bụi |
| 2 | Lái xe chở tổng đoạn tàu thủy, có trọng tải từ 50 tấn trở lên | Công việc cần sự tập trung quan sát, xử lý tình huống chính xác; chịu tác động của nóng, ồn, bụi, rung |
| 3 | Sửa chữa điện trong Nhà máy đóng tàu | Tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường luôn tiềm ẩn nguy hiểm, cháy nổ; chịu tác động của nóng, ồn |
| 4 | Vận hành máy cắt CNC trong Nhà máy đóng tàu | Làm việc trong môi trường nguy hiểm; chịu tác động của nóng, ồn, bụi |

**III. THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nghề hoặc công việc** | **Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc** |
|  | **Điều kiện lao động loại VI** |
| 1 | Trực tiếp rà phá bom, mìn, vật liệu nổ; xử lý bom, mìn sau rà phá | Rất nguy hiểm, độc hại, căng thẳng thần kinh tâm lý |
|  | **Điều kiện lao động loại IV** |
| 1 | Nhân viên tư vấn Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 | Làm việc trong điều kiện tiếp xúc tiếng ồn thường xuyên, liên tục, môi trường làm việc khép kín, ảnh hưởng bởi sóng điện thoại, căng thẳng thần kinh tâm lý |
| 2 | Giáo viên trực tiếp can thiệp, dạy văn hóa, dạy nghề, tư vấn việc làm, phục hồi chức năng, trợ giúp pháp lý, huấn luyện viên, bác sĩ khám phân loại thương tật thể thao, hỗ trợ đối với người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng | Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý |
| 3 | Sản xuất, lắp ráp dụng cụ chỉnh hình | Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, ồn |
| 4 | Trực tiếp giải quyết chế độ chính sách đối với thương binh, bệnh binh và hỗ trợ trực tiếp người có công về điều dưỡng tại đơn vị | Công việc nặng nhọc, căng thẳng thần kinh tâm lý |